

## THÔNG TIN TUYỂN SINH NĂM 2025

### Hình thức đào tạo chính quy

#### I. THÔNG TIN CHUNG

Tên Trường: Trường Đại học Sư phạm Thể dục Thể thao Tp. Hồ Chí Minh

Mã tuyển sinh: STS

Địa chỉ: 639 Nguyễn Trãi, Phường 11, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh

Website: <https://upes.edu.vn>

Điện thoại: 0283.8556300

E\_mail: [bants.sts@moet.edu.vn](mailto:bants.sts@moet.edu.vn)

Địa chỉ công khai thông tin tuyển sinh <https://tuyensinh.upes.edu.vn>

Địa chỉ công khai thông tin chung <https://upes.edu.vn/ba-cong-khai>

#### II. TUYỂN SINH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC

##### 1. Đối tượng, điều kiện dự tuyển

Đối tượng tuyển sinh: Đối tượng dự tuyển được xác định tại thời điểm xét tuyển (trước khi công bố kết quả xét tuyển chính thức) là thí sinh đã được công nhận tốt nghiệp trung học phổ thông trở lên, có đủ sức khỏe theo quy định hiện hành, không bị khuyết tật ảnh hưởng đến vận động, có đủ thông tin cá nhân, hồ sơ dự tuyển theo quy định.

Điều kiện tuyển sinh: Đạt ngưỡng đầu vào theo quy định tại mục 3; Tham dự đủ các nội dung của môn Năng khiếu Thể dục thể thao do nhà trường tổ chức (trừ thí sinh diện xét tuyển thẳng).

##### 2. Mô tả phương thức tuyển sinh, phương thức xét tuyển

###### a. Phương thức tuyển sinh

Kết hợp giữa thi tuyển và xét tuyển: Thi môn Năng khiếu Thể dục thể thao kết hợp xét điểm 2 môn văn hóa theo 6 tổ hợp quy định tại mục 4.

###### b. Phương thức xét tuyển

Phương thức 301: Xét tuyển thẳng theo Quy chế tuyển sinh (áp dụng tại điểm c, khoản 2 Điều 8 Quy chế tuyển sinh đại học, tuyển sinh cao đẳng ngành Giáo dục mầm non ban hành kèm theo Thông tư 08/2020/TT-BGDĐT ngày 06/06/2022)

Phương thức 405: Kết hợp kết quả thi tốt nghiệp THPT với điểm thi năng khiếu để xét tuyển.



Phương thức 406: Kết hợp kết quả học tập THPT (học bạ lớp 12) với điểm thi năng khiếu để xét tuyển.

### **3. Quy tắc quy đổi tương đương ngưỡng đầu vào và điểm trúng tuyển giữa các tổ hợp, phương thức tuyển sinh**

#### **a. Ngưỡng đầu vào đối với ngành Giáo dục thể chất**

Ngưỡng đầu vào đối với phương thức 405: Theo Thông báo ngưỡng đầu vào (điểm sàn) của Bộ Giáo dục và Đào tạo, sau khi có kết quả kỳ thi THPT Quốc gia 2025, dự kiến trước 17:00 ngày 23/07/2025.

Ngưỡng đầu vào đối với phương thức 406: Học sinh có học lực lớp 12 xếp loại khá trở lên hoặc điểm xét tốt nghiệp THPT năm 2025 từ 6,5 trở lên.

Các trường hợp không áp dụng ngưỡng đầu vào:

- Thí sinh là vận động viên cấp 1, kiện tướng, vận động viên đã từng đoạt huy chương tại Hội khỏe Phù Đổng toàn quốc, các giải trẻ quốc gia và quốc tế;

- Thí sinh có điểm thi môn Năng khiếu TDTT đạt từ 9 điểm trở lên.

#### **b. Điểm trúng tuyển**

Điểm trúng tuyển là ngưỡng điểm mà những thí sinh có điểm xét tuyển bằng hoặc cao hơn sẽ đủ điều kiện trúng tuyển. Điểm trúng tuyển (điểm trúng tuyển quy đổi tương đương) của phương thức 406 cao hơn ít nhất 1 điểm so với điểm trúng tuyển của phương thức 405.

$$\text{Điểm xét tuyển} = \text{Điểm tổ hợp} + \text{Điểm cộng} + \text{Điểm ưu tiên}$$

Trong đó:

$$\text{Điểm tổ hợp} = (\text{Điểm môn 1} + \text{Điểm môn 2} + \text{Điểm môn NK} \times 2) \times 3 / 4$$

Điểm cộng (được quy định tại mục 5b)

$$\text{Điểm ưu tiên} = \text{Điểm ưu tiên đối tượng} + \text{Điểm ưu tiên khu vực}$$

Riêng điểm ưu tiên đối với thí sinh đạt điểm tổ hợp từ 22,5 trở lên (tối đa là 30) được xác định theo công thức sau:

$$[(30 - \text{Điểm tổ hợp}) / 7,5] \times (\text{Điểm ưu tiên đối tượng} + \text{Điểm ưu tiên khu vực})$$

#### 4. Chỉ tiêu tuyển sinh

| TT | Mã xét tuyển | Tên chương trình, ngành, nhóm ngành xét tuyển  | Mã ngành, nhóm ngành | Tên ngành, nhóm ngành    | Chỉ tiêu         | Phương thức xét tuyển, tổ hợp   | Ghi chú |
|----|--------------|--|----------------------|--------------------------|------------------|---|---------|
| 1  | 7140206      | Đào tạo cử nhân ngành Giáo dục thể chất        | 7140206              | Giáo dục thể chất        | 300<br>(Dự kiến) | T00(Toán, Sinh, NK)<br>T02(Ngữ văn, Sinh, NK)<br>T05(Ngữ văn, GDKTPL, NK)<br>T08(Toán, GDKTPL, NK)<br>T09(Toán, Sử, NK)<br>T10(Văn, Sử, NK) |         |
| 2  | 7810301      | Đào tạo cử nhân ngành Quản lý thể dục thể thao | 7810301              | Quản lý thể dục thể thao | 50               | T00(Toán, Sinh, NK)<br>T02(Ngữ văn, Sinh, NK)<br>T05(Ngữ văn, GDKTPL, NK)<br>T08(Toán, GDKTPL, NK)<br>T09(Toán, Sử, NK)<br>T10(Văn, Sử, NK) |         |
| 3  | 7810302      | Đào tạo cử nhân ngành Huấn luyện thể thao      | 7810302              | Huấn luyện thể thao      | 50               | T00(Toán, Sinh, NK)<br>T02(Ngữ văn, Sinh, NK)<br>T05(Ngữ văn, GDKTPL, NK)<br>T08(Toán, GDKTPL, NK)<br>T09(Toán, Sử, NK)<br>T10(Văn, Sử, NK) |         |

**Ghi chú:** NK(Năng khiếu Thể dục thể thao); GDKTPL(Giáo dục công dân/Giáo dục kinh tế và pháp luật); Mã xét tuyển dùng để định danh một ngành đào tạo có chỉ tiêu tuyển sinh riêng.

## 5. Các thông tin cần thiết khác để thí sinh dự tuyển vào cơ sở đào tạo

### a. Điều kiện phụ sử dụng trong xét tuyển

Điều kiện phụ sử dụng trong xét tuyển trong trường hợp nhiều thí sinh có cùng điểm xét tuyển ở cuối danh sách lần lượt là: Điểm thi môn Năng khiếu TDTT; Điểm của môn thứ 1, điểm của môn thứ 2 theo thứ tự của tổ hợp.

### b. Tổng điểm cộng, điểm thưởng, điểm khuyến khích (điểm cộng)

Điểm cộng là điểm thành phần của điểm xét tuyển, được cộng trực tiếp vào điểm xét tuyển. Thí sinh có nhiều thành tích, được xét thành tích cao nhất.

\* Kỳ thi, cuộc thi, giải đấu thể dục thể thao cấp quốc tế; Đại hội thể thao toàn quốc; Giải thể dục thể thao cấp quốc gia tổ chức một lần trong năm, thời gian đoạt giải không quá 4 năm tính tới thời điểm xét tuyển (Thí sinh có thành tích tại các kỳ thi, cuộc thi, giải đấu tương đương khác sẽ do Hội đồng tuyển sinh xem xét, quyết định). Bảng áp dụng điểm cộng cụ thể như sau:

| STT | Điểm cộng | Thành tích TDTT  |
|-----|-----------|--|
| 1   | 3.00      | Hoàn thành nhiệm vụ giải TDTT quốc tế/Vận động viên kiện tướng/ Đại hội Thể thao học sinh Đông Nam Á |
| 2   | 2.75      | Huy chương vàng, bạc, đồng - Đại hội thể thao toàn quốc  |
| 3   | 2.50      | Huy chương vàng - Vô địch quốc gia/Các đội mạnh QG   |
| 4   | 2.25      | Huy chương bạc - Vô địch quốc gia/Các đội mạnh QG  |
| 5   | 2.00      | Huy chương đồng - Vô địch quốc gia/Các đội mạnh QG   |
| 6   | 1.75      | Huy chương vàng - Vô địch trẻ quốc gia/Hạng nhất QG/ CLB toàn quốc/Vận động viên cấp 1               |
| 7   | 1.50      | Huy chương bạc - Vô địch trẻ quốc gia/Hạng nhất QG/ CLB toàn quốc                                    |
| 8   | 1.25      | Huy chương đồng - Vô địch trẻ quốc gia/Hạng nhất QG/ CLB toàn quốc                                   |
| 9   | 1.00      | Huy chương vàng, bạc, đồng - HKPD toàn quốc/Vận động viên cấp 2                                      |
| 10  | 0.75      | Huy chương vàng, bạc, đồng - Thể thao học sinh phổ thông toàn quốc                                   |

\* Kỳ thi, cuộc thi, giải đấu cấp Tỉnh/Thành phố trực thuộc trung ương, do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định tổ chức, thời gian đoạt giải không quá 3 năm tính tới thời điểm xét tuyển. Bảng áp dụng điểm cộng cụ thể như sau:

| STT | Điểm cộng | Thành tích TDTT                                  |
|-----|-----------|--|
| 1   | 0.75      | Huy chương vàng cấp Tỉnh/Thành phố trực thuộc TW |
| 2   | 0.50      | Huy chương bạc cấp Tỉnh/Thành phố trực thuộc TW  |
| 3   | 0.25      | Huy chương đồng cấp Tỉnh/Thành phố trực thuộc TW |

Thời gian nộp hồ sơ: Trước 17:00 ngày 07/07/2025, nộp trực tiếp hoặc gửi đảm bảo dịch vụ phát chuyển nhanh đến phòng Đào tạo – Khảo thí.

Hồ sơ: Phiếu đăng ký (theo Mẫu điểm cộng), Giấy chứng nhận đoạt giải do cơ quan có thẩm quyền cấp (chứng thực), Quyết định công nhận đăng cấp do Cục TDTT Việt Nam hoặc các Liên đoàn thể thao Việt Nam cấp (chứng thực), giấy xác nhận đã hoàn thành nhiệm vụ được Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch cấp (chứng thực).

## 6. Tổ chức tuyển sinh

*(Thời gian dự kiến tuyển sinh các đợt trong năm, hình thức; các điều kiện xét tuyển, thi tuyển.)*

### a. Dự kiến các đợt tuyển sinh trong năm

- Đợt 1: Tháng 07 năm 2025.

- Đợt 2: Tháng 10 năm 2025.

Đối tượng tham gia đăng ký xét tuyển đợt 2 gồm: Thí sinh chưa trúng tuyển; Thí sinh đã trúng tuyển nhưng chưa xác nhận nhập học vào bất cứ cơ sở đào tạo nào; Thí sinh đã xác nhận nhập học tại một cơ sở đào tạo nhưng mong muốn được xét tuyển thì phải được cơ sở đào tạo nơi nhập học cho phép bằng văn bản.

### b. Đăng ký thông tin dự thi và tổ chức thi môn Năng khiếu TDTT

Thí sinh có thể sử dụng điểm thi môn Năng khiếu TDTT để đăng ký nguyện vọng xét tuyển vào các ngành Giáo dục Thể chất, Quản lý thể dục thể thao và Huấn luyện thể thao của nhà trường.

Thời hạn đăng ký dự thi môn Năng khiếu TDTT đến 17:00 ngày 30/06/2025

Thi môn Năng khiếu TDTT ngày 07/07/2025 gồm các nội dung: Kiểm tra thể hình; Chạy 30m tốc độ cao; Bật xa

Thí sinh nộp lệ phí dự thi môn Năng khiếu TDTT là 300.000đ, nội dung ghi: "**Họ và tên thí sinh - Thi NK 2025**". Nộp trực tiếp tại Trường hoặc nộp vào tài khoản của Trường số **060238737111**, ngân hàng Sacombank, chi nhánh Phú Nhuận.

Thí sinh cần chuẩn bị 3 file ảnh sau: Ảnh chân dung 3x4, ảnh CCCD, ảnh thực hiện chuyển khoản thành công (hoặc ảnh Biên lai thu lệ phí) trước khi thực hiện đăng ký dự thi môn Năng khiếu TDTT trực tuyến.

Truy cập vào đường link đăng ký <https://forms.gle/y5BXQMVRKdYY8geu7>

### ***c. Tổ chức đăng ký xét tuyển***

Thí sinh được đăng ký nguyện vọng vào một hoặc nhiều ngành khác nhau không hạn chế số lượng, nhưng phải sắp xếp các nguyện vọng theo thứ tự ưu tiên từ cao xuống thấp. Trong trường hợp nhiều nguyện vọng đủ điều kiện trúng tuyển, thí sinh chỉ được công nhận trúng tuyển và gọi nhập học theo nguyện vọng cao nhất.

Thời gian đăng ký, quy trình đăng ký và tổ chức xét tuyển theo hướng dẫn chung của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Hệ thống đăng ký nguyện vọng xét tuyển <http://thisinh.thitotnghiepthpt.edu.vn>

Riêng thí sinh tốt nghiệp trước năm 2025 (thí sinh tự do), đến Sở Giáo dục và Đào tạo (nơi thường trú) để được hướng dẫn cấp tài khoản đăng ký nguyện vọng xét tuyển trên hệ thống. Đồng thời nộp học bạ có công chứng về Phòng Đào tạo - Khảo thí (nộp trực tiếp hoặc gửi phát chuyển nhanh, khuyến khích nộp trực tiếp vào ngày đến dự thi môn Năng khiếu TĐTT).

## **7. Chính sách ưu tiên**

### ***a. Ưu tiên theo khu vực và đối tượng***

Thí sinh được hưởng chính sách ưu tiên theo khu vực và đối tượng theo Quy chế tuyển sinh hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo, được xác định từ Hệ thống đăng ký thi tốt nghiệp THPT quốc gia <http://thisinh.thitotnghiepthpt.edu.vn>.

### ***b. Xét tuyển thẳng***

Thí sinh tham gia đội tuyển quốc gia thi đấu trong các giải quốc tế chính thức được Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch xác nhận đã hoàn thành nhiệm vụ bao gồm: Giải vô địch thế giới, Cúp thế giới, Thế vận hội Olympic, Đại hội Thể thao châu Á (ASIAD), Giải vô địch châu Á, Cúp châu Á, Giải vô địch Đông Nam Á, Đại hội Thể thao Đông Nam Á (SEA Games), Cúp Đông Nam Á. Thời gian đoạt giải không quá 4 năm tính tới thời điểm xét tuyển thẳng.

Thời gian nộp hồ sơ xét tuyển thẳng: Trước 17:00 ngày 30/06/2025, nộp trực tiếp hoặc gửi đảm bảo dịch vụ phát chuyển nhanh đến phòng Đào tạo – Khảo thí. Xét tuyển thẳng trước ngày thi môn Năng khiếu TĐTT, các trường hợp không đạt được chuyển hồ sơ thi môn Năng khiếu TĐTT.

Hồ sơ: Phiếu đăng ký (theo Mẫu xét tuyển thẳng), giấy xác nhận đã hoàn thành nhiệm vụ được Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch cấp (chứng thực).

### ***c. Ưu tiên xét tuyển***

Thí sinh được ưu tiên xét tuyển là thí sinh thuộc diện không dùng quyền xét tuyển thẳng (hoặc nộp hồ sơ sau thời điểm xét tuyển thẳng), thí sinh đoạt huy chương tại Đại hội thể thao toàn quốc, các giải quốc gia tổ chức một lần trong năm. Thí sinh có thành tích tại các kỳ thi, cuộc thi, giải đấu tương đương khác sẽ do Hội đồng tuyển sinh xem xét, quyết định.

Thí sinh diện ưu tiên xét tuyển được quyền dự thi hoặc không dự thi môn Năng khiếu TDTT, được công nhận điểm môn Năng khiếu TDTT là điểm cao nhất giữa điểm thi môn Năng khiếu TDTT và điểm ưu tiên. Thời gian đoạt giải không quá 4 năm tính tới thời điểm xét tuyển. Bảng áp dụng xét ưu tiên cụ thể như sau:

| STT | Điểm ưu tiên | Thành tích TDTT   |
|-----|--------------|---|
| 1   | 10.00        | Hoàn thành nhiệm vụ giải TDTT quốc tế/Vận động viên kiện tướng/Đại hội Thể thao học sinh Đông Nam Á |
| 2   | 9.75         | Huy chương vàng, bạc, đồng - Đại hội thể thao toàn quốc/Vô địch quốc gia/Các đội mạnh QG            |
| 3   | 9.50         | Huy chương vàng, bạc, đồng - Vô địch trẻ quốc gia/Hạng nhất QG/CLB toàn quốc/Vận động viên cấp 1    |
| 4   | 9.25         | Huy chương vàng, bạc, đồng - HKPD toàn quốc/Vận động viên cấp 2                                     |
| 5   | 9.00         | Huy chương vàng, bạc, đồng - Thể thao học sinh phổ thông toàn quốc                                  |

Thời gian nộp hồ sơ ưu tiên xét tuyển: Trước 17:00 ngày 07/07/2025, nộp trực tiếp hoặc gửi đảm bảo dịch vụ phát chuyển nhanh đến phòng Đào tạo – Khảo thí

Hồ sơ: Phiếu đăng ký (theo Mẫu ưu tiên xét tuyển), giấy chứng nhận đoạt giải cấp quốc gia, quyết định công nhận đăng cấp do Cục TDTT Việt Nam hoặc các Liên đoàn thể thao Việt Nam cấp (chứng thực), giấy xác nhận đã hoàn thành nhiệm vụ được Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch cấp (chứng thực).

### 8. Lệ phí xét tuyển, thi tuyển

Lệ phí dự thi môn Năng khiếu TDTT: 300.000đ/thí sinh.

Lệ phí xét tuyển: Theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

**9. Việc cơ sở đào tạo thực hiện cam kết đối với thí sinh** (Giải quyết khiếu nại, bảo vệ quyền lợi chính đáng của thí sinh trong những trường hợp rủi ro, trách nhiệm giải quyết việc thí sinh được chuyển đến hoặc chuyển đi do sai sót trong tuyển sinh)

Nhà trường cam kết chủ động giải quyết và phối hợp với các CSĐT liên quan để giải quyết quyền lợi chính đáng của thí sinh trong những trường hợp rủi ro, giải quyết việc thí sinh được chuyển đến hoặc chuyển đi do sai sót trong tuyển sinh.

### 10. Các nội dung khác (không trái quy định hiện hành)

#### a. Học phí dự kiến với sinh viên chính quy

**Ngành Giáo dục thể chất (7140206)**

Sinh viên chính quy ngành Giáo dục thể chất được hưởng chính sách về học phí

và sinh hoạt phí theo Nghị định 116/2020/NĐ-CP. Được Nhà nước hỗ trợ tiền đóng học phí bằng mức thu học phí của nhà trường và được Nhà nước hỗ trợ 3.630.000 đồng/tháng để chi trả chi phí sinh hoạt trong thời gian học tập tại trường (không quá 10 tháng/năm học) theo quy định hiện hành.

*Ngành Quản lý thể dục thể thao (7810301) và Ngành Huấn luyện thể thao (7810302)*

Sinh viên chính quy ngành Quản lý thể dục thể thao và ngành Huấn luyện thể thao đóng mức học phí 16,9 triệu đồng/năm theo Nghị định 97/2023/NĐ-CP.

***b. Lộ trình tăng học phí theo từng năm***

Thực hiện lộ trình tăng học phí theo Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/08/2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hồ sơ chi phí học tập giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục và Nghị định số 97/2023/NĐ-CP ngày 31/12/2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 81/2021/NĐ-CP.

**11. Thông tin về tuyển sinh của 2 năm gần nhất**

| TT | Mã xét tuyển | Tên chương trình, ngành, nhóm ngành xét tuyển | Mã ngành, nhóm ngành | Tên ngành, nhóm ngành | Phương thức xét tuyển | Năm 2024       |                   |                                 | Năm 2023       |                   |                                 | Ghi chú |
|----|--------------|---|----------------------|-----------------------|-----------------------|----------------|-------------------|---------------------------------|----------------|-------------------|---------------------------------|---------|
|    |              |   |                      |                       |                       | Chi tiêu (160) | Số nhập học (159) | Điểm trúng tuyển/Thang điểm xét | Chi tiêu (126) | Số nhập học (122) | Điểm trúng tuyển/Thang điểm xét |         |
| 1  | 7140206      | Giáo dục thể chất                             | 7140206              | Giáo dục thể chất     | 301                   | 1              | 1                 | Tuyển thẳng                     | 1              | 1                 | Tuyển thẳng                     |         |
| 2  | 7140206      | Giáo dục thể chất                             | 7140206              | Giáo dục thể chất     | 405                   | 96             | 104               | 23.75                           | 75             | 73                | 22,75                           |         |
| 3  | 7140206      | Giáo dục thể chất                             | 7140206              | Giáo dục thể chất     | 406                   | 64             | 54                | 25.24                           | 50             | 48                | 23,84                           |         |

**Cán bộ tuyển sinh**  
(Ghi rõ họ tên, số điện thoại liên hệ, địa chỉ Email)

Nguyễn Bảo Thư

ĐT: 0918504054

Email: thubn@upes.edu.vn

*Handwritten signature*  
Tp. HCM, ngày 12 tháng 05 năm 2025

**HIỆU TRƯỞNG**



**PGS.TS. Châu Vĩnh Huy**



